

*P. Thịnh Đán, ngày 07 tháng 07 năm 2022*

**CÔNG KHAI THUYẾT MINH**  
**Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách**  
**phường Thịnh Đán 6 tháng đầu năm 2022**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*  
*Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015;*  
*Căn cứ Nghị định 163/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;*  
*Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;*  
*Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 28/12/2021 của HĐND phường Thịnh Đán về việc thông qua dự toán thu-chi ngân sách phường Thịnh Đán năm 2022.*

**1. Thu NS 6 tháng đầu năm 2022:**

Tổng thu NSNN ước đạt 10.156.920.001 đồng/8.915.000.000 đồng bằng 113,93% KH. Trong đó có một số chỉ tiêu đạt kết quả cao như: Lệ phí trước bạ nhà đất đạt 4.687.007.150 đồng bằng 390,58% KH. TNCN từ đất đạt 455.027.718 đồng bằng 101,12% KH.

**2. Chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2022.**

Tổng chi thường xuyên NS đạt 3.030.857.513 đồng/5.534.387.000 đồng= 56,7% DT

**3. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2022.**

Có được kết quả thu, chi NS như trên là do ngay từ đầu năm 2022 UBND phường đã xây dựng kế hoạch phát triển KT-XH và dự toán NS năm 2022 theo đúng thời gian quy định, đảm bảo việc thực hiện nhiệm vụ ngay từ đầu năm. Hằng tháng họp dân giá thực hiện nhiệm vụ của tháng, của quý và đề ra phương hướng, giải pháp để thực hiện nhiệm vụ tiếp theo của năm. Đảng uỷ, HĐND –UBND cùng các ban ngành đoàn thể tiếp tục thực hiện đồng bộ giải pháp tiết kiệm chi tiêu, chống thất thu NS, thực hiện cải cách hành chính đã tạo điều kiện thực hiện tốt dự toán NS được giao.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được trong 9 tháng công tác tài chính – ngân sách của phường Thịnh Đán gặp phải một số khó khăn như: Nhận thức của người dân về việc tự kê khai và nghĩa vụ nộp thuế trong hoạt động kinh doanh chưa cao như thuế vận tải, thuế xây dựng...

Trong 6 tháng đầu năm 2022, UBND phường thực hiện các khoản chi thường xuyên bám sát so với dự toán đầu năm, thanh toán đầy đủ, kịp thời các khoản chi theo chế độ chính sách của Nhà nước, bổ sung kịp thời các khoản bổ sung có mục tiêu để chi trả cho các nhiệm vụ đảm bảo không bị nợ đọng, đảm bảo các nhiệm vụ chính trị - kinh tế- xã hội, quốc phòng-an ninh ở địa phương.

**Nơi nhận:**

- TT Đảng ủy - HĐND phường;
- Lãnh đạo UBND phường;
- Các ban ngành, đoàn thể phường;
- Các vị đại biểu HĐND phường;
- Các vị đại biểu dự kỳ họp HĐND;
- Lưu: VP, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Nam**

**BIÊN BẢN**

**Về việc niêm yết công khai số liệu dự toán thu chi ngân sách  
6 tháng năm 2022**

Hôm nay, vào hồi 08h00' ngày 07 tháng 7 năm 2022

Tại Hội trường trụ sở UBND Phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên.

UBND Phường Thịnh Đán tiến hành tổ chức niêm yết công khai số liệu dự toán thu chi ngân sách 6 tháng năm 2022 theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách.

**I. Thành phần lập biên bản, gồm:**

1. Đ/c Nguyễn Văn Nam - Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND
2. Đ/c Ma Thị Lương - Văn phòng thống kê, Thư ký
3. Đ/c Ma Thị Mùi - CB Tài chính kế toán

**II. Nội dung:**

Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách.

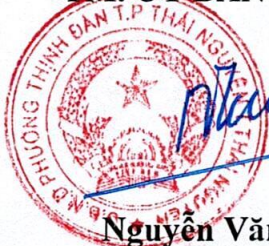
UBND Phường Thịnh Đán thực hiện công khai số liệu dự toán thu chi ngân sách 6 tháng năm 2022.

Thời gian niêm yết công khai bắt đầu từ 08h30' ngày 07/7/2022.

Trong quá trình công khai số liệu dự toán thu chi ngân sách 6 tháng năm 2022 tại bảng tin (sảnh trụ sở làm việc), UBND phường sẽ tiếp nhận những nội dung phản ánh, kiến nghị về số liệu dự toán thu chi ngân sách 6 tháng năm 2022 của các ban ngành đoàn thể, các tổ dân phố.

Biên bản lập xong hồi 08h45' cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**



**Nguyễn Văn Nam**

**KÊ TOÁN NGÂN SÁCH**

**Ma Thị Mùi**

**NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN**

**Ma Thị Lương**

Số: 471/QĐ-UBND

Thịnh Đán, ngày 07 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công khai thu, chi ngân sách Phường Thịnh Đán  
6 tháng năm 2022**

**ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG THỊNH ĐÁN**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân phường Thịnh Đán về việc phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của Ban tài chính, công chức văn phòng - Thống kê UBND Phường Thịnh Đán,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai thu, chi ngân sách Phường Thịnh Đán 6 tháng năm 2022 (Có biểu chi tiết kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3:** Công chức văn phòng - Thống kê, Ban tài chính, Kế toán ngân sách, các bộ phận chuyên môn, tập thể, cá nhân có liên quan thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- UBND thành phố TN;
- TT Đảng ủy, HĐND phường;
- Lãnh đạo UBND phường;
- MTTQ phường;
- Các ban ngành đoàn thể phường;
- Trụ sở UBND phường;
- Các tổ DP;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Nam**

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ**  
**6 tháng Năm 2022**

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (6 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3
I	Tổng số thu	9.559.622.787	7.670.159.800	80,23
1.	Các khoản thu 100%	75.000.000	123.426.000	164,57
2.	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	925.000.000	1.087.111.013	117,53
3.	Thu chuyển nguồn	3.760.615.787	3.760.615.787	100,00
4.	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.799.007.000	2.699.007.000	56,24
	- Bổ sung cân đối ngân sách	4.344.387.000	2.244.387.000	51,66
	- Bổ sung có mục tiêu	454.620.000	454.620.000	100
II.	Tổng số chi	5.344.387.000	3.030.857.513	56,71
1.	Chi đầu tư phát triển			
2.	Chi thường xuyên	5.238.649.000	3.030.857.513	57,9
3.	Dự phòng	105.738.000		-

Ngày 07 tháng 7 năm 2022

Bộ phận tài chính, kế toán xã

  
Ma Thị Mùi

TM. UBND xã, phường, thị trấn  
Chủ tịch

(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Văn Nam

**ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ**  
6 tháng Năm 2022

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	1	2	3	4	5	6
<b>Tổng số thu</b>	<b>8.915.000.000</b>	<b>9.559.622.787</b>	<b>10.156.920.001</b>	<b>7.670.159.800</b>	<b>113,93</b>	<b>80,23</b>
<b>I. Các khoản thu 100%</b>	<b>75.000.000</b>	<b>75.000.000</b>	<b>123.426.000</b>	<b>123.426.000</b>	<b>164,568</b>	<b>164,57</b>
- Phí, lệ phí	65.000.000	65.000.000	21.805.000	21.805.000	33,55	33,55
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
- Thu tiền bồi thường từ quỹ đất công ích						
- Thu tiền cho thuê lòng lề đường, bến bãi			12.170.000	12.170.000		
- Thu tiền cho thuê tài sản nhà nước						
- Thu tiền phí hoạt động sự nghiệp						
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân			2.790.000	2.790.000		
- Thu khác	10.000.000	10.000.000	86.661.000	86.661.000	866,61	866,61
<b>II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>8.840.000.000</b>	<b>925.000.000</b>	<b>10.033.494.001</b>	<b>1.087.111.013</b>	<b>113,50</b>	<b>117,53</b>
1. Các khoản thu phân chia	1.790.000.000	305.000.000	4.827.720.876	589.332.110	269,71	193,22
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	450.000.000	45.000.000	22.313.726	2.231.375	4,96	4,96
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	140.000.000	140.000.000	118.400.000	118.400.000	84,57	84,57
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	1.200.000.000	120.000.000	4.687.007.150	468.700.735	390,58	390,58
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	7.050.000.000	620.000.000	5.205.773.125	497.778.903	73,84	80,29
- Thuế TNDN						
- Thuế giá trị gia tăng	1.700.000.000	170.000.000	427.511.603	42.751.185	25,15	25,15
- Thuế TNCN từ đất	4.500.000.000	450.000.000	4.550.277.028	455.027.718	101,12	101,12
- Thuế thu nhập cá nhân từ hộ	850.000.000		197.923.991			
- Thuế thu nhập từ hoạt động cho thuê tài sản			20.733.333			
- Tiền thuê đất						
- Thu khác			9.327.170			
<b>III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>						
<b>IV. Thu chuyển nguồn</b>		<b>3.760.615.787</b>		<b>3.760.615.787</b>		<b>100,00</b>
<b>V. Thu kết dư ngân sách năm trước</b>						
<b>VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>		<b>4.799.007.000</b>		<b>2.699.007.000</b>		<b>56,24</b>
- Bổ sung cân đối ngân sách		4.344.387.000		2.244.387.000		51,66
- Bổ sung có mục tiêu		454.620.000		454.620.000		100,00

Ngày 07 tháng 7 năm 2022

Bộ phận tài chính, kế toán xã

TM. UBND xã, phường, thị trấn  
Chủ tịch

  
Ma Thị Mùi



  
Nguyễn Văn Nam

**ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ**

6 tháng Năm 2022

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Dự toán			Ước thực hiện			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
<b>Tổng chi ngân sách xã</b>	<b>5.344.387.000</b>		<b>5.344.387.000</b>	<b>3.030.857.513</b>		<b>3.030.857.513</b>	56,7		56,7
2. Chi đầu tư phát triển khác									
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	871.422.000		871.422.000	487.390.068		487.390.068	55,9		55,930
- Chi dân quân tự vệ	503.711.000		503.711.000	311.410.468		311.410.468	61,8		61,823
- Chi trật tự an toàn xã hội	367.711.000		367.711.000	175.979.600		175.979.600	47,9		47,858
2. Chi giáo dục									
3. Chi ứng dụng, chuyên giao công nghệ									
4. Chi y tế									
5. Chi văn hóa, thông tin	90.000.000		90.000.000	2.624.000		2.624.000	2,9		2,916
6. Chi phát thanh, truyền hình									
7. Chi thể dục, thể thao	25.000.000		25.000.000	3.000.000		3.000.000	12,0		12,000
8. Chi bảo vệ môi trường									
9. Chi các hoạt động kinh tế									
- Giao thông									
- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản									
- Thị chính									
- Thương mại, du lịch									
- Các hoạt động kinh tế khác									
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.087.884.000		4.087.884.000	2.453.227.145		2.453.227.145	60,0		60,012
Trong đó: Quỹ lương									
10.1. Ủy ban nhân dân	2.145.451.000		2.145.451.000	1.580.386.473		1.580.386.473	73,7		73,662
10.2. Hội đồng nhân dân	354.170.000		354.170.000	124.333.800		124.333.800	35,1		35,106
10.3. Đảng Cộng sản Việt Nam	654.167.000		654.167.000	325.882.063		325.882.063	49,8		49,816
10.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	316.004.000		316.004.000	144.481.573		144.481.573	45,7		45,721
10.5. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	147.720.000		147.720.000	90.111.984		90.111.984	61,0		61,002
10.6. Hội Liên hiệp Phụ nữ	144.680.000		144.680.000	47.342.028		47.342.028	32,7		32,722
10.7. Hội Cựu chiến binh	115.000.000		115.000.000	64.567.350		64.567.350	56,1		56,146
10.8. Hội Nông dân	144.000.000		144.000.000	42.775.674		42.775.674	29,7		29,705
10.9. Hội Chữ Thập đỏ	24.496.000		24.496.000	12.247.800		12.247.800	50,0		49,999
10.10. Hội Người cao tuổi	26.104.000		26.104.000	13.052.400		13.052.400	50,0		50,002
10.11. Hội khuyến học	16.092.000		16.092.000	8.046.000		8.046.000	50,0		50,000

11. Chi cho công tác xã hội	70.775.000	70.775.000	45.386.300	45.386.300	64,1	64,128
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	50.775.000	50.775.000	25.386.300	25.386.300	50,0	49,998
- Trè mồ côi, người già không nơi nương tựa			0			
- Chi trợ cấp xã hội, người có công	20.000.000	20.000.000	20.000.000	20.000.000	100,0	100,000
12. Chi khác	93.568.000	93.568.000	39.230.000	39.230.000	41,9	41,927
13. Dự phòng	105.738.000	105.738.000				
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau						

Ngày 07 tháng 7 năm 2022

Bộ phận tài chính, kế toán xã

TM. UBND xã, phường, thị trấn  
Chủ tịch



Ma Thị Mùi



Nguyễn Văn Nam